

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2009**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 19

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đình Hải	Chủ tịch
Ông Lê Hồng Thanh	Thành viên
Ông Phạm Minh Tâm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2009)
Ông Trương Hữu Quyền	Thành viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2009)
Ông Hoàng Văn Lộc	Thành viên
Ông Trần Thiện Thế	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Đình Hải	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Quang Thung	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

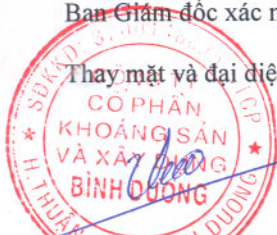
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2010



Số: 198 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ Phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc, kiêm
Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2010
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Lê Chí Nguyễn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0049/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		208.158.353.316	226.927.432.687
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	120.282.199.675	117.754.838.938
1. Tiền	111		23.276.779.675	117.754.838.938
2. Các khoản tương đương tiền	112		97.005.420.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64.440.836.261	87.410.720.653
1. Phải thu khách hàng	131		50.109.983.915	48.647.778.573
2. Trả trước cho người bán	132		12.210.908.122	38.621.661.211
3. Các khoản phải thu khác	135		2.119.944.224	141.280.869
III. Hàng tồn kho	140	6	13.345.644.878	17.035.391.376
1. Hàng tồn kho	141		13.345.644.878	17.308.463.899
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(273.072.523)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.089.672.502	4.726.481.720
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.237.569.489	2.828.204.495
2. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.062.526.697	933.483.684
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.789.576.316	964.793.541
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		273.796.183.563	177.129.068.417
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	2.000.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	218		-	2.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		167.937.522.859	97.737.587.410
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	77.582.427.339	56.582.170.453
- Nguyên giá	222		125.436.363.502	93.517.240.933
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47.853.936.163)	(36.935.070.480)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	1.520.411.532	1.456.305.977
- Nguyên giá	228		2.012.516.200	1.812.516.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(492.104.668)	(356.210.223)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	88.834.683.988	39.699.110.980
III. Bất động sản đầu tư	240	10	87.115.748.954	63.586.181.862
- Nguyên giá	241		92.353.475.752	67.294.488.467
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(5.237.726.798)	(3.708.306.605)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		205.000.000	224.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		205.000.000	224.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		18.537.911.750	13.581.299.145
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	18.205.666.882	13.256.764.350
2. Tài sản dài hạn khác	268		332.244.868	324.534.795
TỔNG TÀI SẢN	270		481.954.536.879	404.056.501.104

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		180.471.407.204	229.924.244.689
I. Nợ ngắn hạn	310		176.019.549.079	226.340.890.648
1. Phải trả người bán	312		12.785.132.423	9.517.962.053
2. Người mua trả tiền trước	313	12	132.437.934.011	135.204.833.336
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	-	287.411.695
4. Phải trả người lao động	315		7.479.656.987	5.030.972.677
5. Chi phí phải trả	316		238.038.500	558.877.769
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	23.078.787.158	75.740.833.118
II. Nợ dài hạn	330		4.451.858.125	3.583.354.041
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		4.451.858.125	3.583.354.041
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	15	301.483.129.675	174.132.256.415
I. Vốn chủ sở hữu	410		288.086.031.223	167.171.799.965
1. Vốn điều lệ	411		107.000.000.000	70.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		37.000.000.000	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		69.397.461.510	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.445.644.923	55.614.864.378
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		9.405.379.928	5.527.597.668
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		443.492.904	702.814.346
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		62.394.051.958	35.326.523.573
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		13.397.098.452	6.960.456.450
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		13.397.098.452	6.960.456.450
TỔNG NGUỒN VỐN	440		481.954.536.879	404.056.501.104

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Thuyết minh

	31/12/2009	31/12/2008
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (đồng)	1.539.671.225	1.539.671.225
2. Ngoại tệ các loại (USD)	2.731.739	2.632.533



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2010

Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 02-DN

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2009	2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	344.701.805.936	330.437.523.860
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		344.701.805.936	330.437.523.860
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	(203.622.976.874)	(202.246.631.515)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		141.078.829.062	128.190.892.345
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		7.277.758.855	6.113.890.731
7. Chi phí tài chính	22		(757.414.153)	(376.104.015)
8. Chi phí bán hàng	24		(27.731.551.538)	(33.257.702.205)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(16.039.219.058)	(17.277.546.458)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		103.828.403.168	83.393.430.398
11. Thu nhập khác	31		2.414.943.972	1.126.502.414
12. Chi phí khác	32		(289.126.787)	(272.517.283)
13. Lợi nhuận khác	40	18	2.125.817.185	853.985.131
14. Lợi nhuận trước thuế	50		105.954.220.353	84.247.415.529
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	(13.496.207.968)	(11.978.815.940)
16. Lợi nhuận sau thuế	60		92.458.012.385	72.268.599.589
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	<u>8.402</u>	<u>9.954</u>



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc
 Ngày 22 tháng 3 năm 2010

Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	2009	2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	105.954.220.353	84.247.415.529
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	14.709.752.153	12.118.045.447
- Các khoản dự phòng	03	(273.072.523)	273.072.523
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(2.551.907.382)	(2.589.299.929)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.671.385.434)	(3.250.610.236)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	113.167.607.167	90.798.623.334
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	22.391.706.528	(34.410.264.369)
- Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	3.962.819.021	(16.576.278.880)
- Tăng các khoản phải trả	11	5.681.225.844	155.411.731.752
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(7.358.267.526)	1.313.727.173
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(14.501.627.221)	(11.905.829.495)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(7.014.849.198)	(7.715.539.770)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	116.328.614.615	176.916.169.745
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(110.398.012.733)	(73.782.463.620)
2. Tiền thu bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	19.000.000	1.123.100.000
3. Thu lãi tiền gửi	27	4.725.851.473	3.292.890.802
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(105.653.161.260)	(69.366.472.818)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.700.000.000)	(26.298.107.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.700.000.000)	(26.298.107.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(24.546.645)	81.251.589.927
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	117.754.838.938	33.913.949.082
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	2.551.907.382	2.589.299.929
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	120.282.199.675	117.754.838.938

Thông tin bổ sung các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua sắm tài sản cố định không bao gồm số tiền là 0 đồng (năm 2008: 1.904.292.000 đồng), giá trị tài sản mua trong năm nhưng chưa thanh toán. Tuy nhiên, tiền chi mua sắm tài sản cố định đã bao gồm số tiền 1.904.292.000 (năm 2008: 0 đồng), là giá trị tài sản đã mua của năm trước nhưng được thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải trả.

Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2010

Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000226 ngày 27 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp, và giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương, một doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế điều chỉnh số 3700148825 ngày 20 tháng 1 năm 2009, Công ty tăng vốn điều lệ lên 107.000.000.000 đồng. Trong đó, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước hiện đang sở hữu 50,05% vốn điều lệ của Công ty, các cổ đông khác nắm giữ 49,95%.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Đại lộ Bình Dương, Ấp Hòa Lân 1, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 480 người (năm 2008: 454 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (không sản xuất gạch nung, ngói nung tại trụ sở chính); sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các công trình giao thông, công trình dân dụng, cụm công nghiệp, điện cơ mỏ; kinh doanh nhà ở; sản xuất, gia công và kinh doanh các loại thép hình, cầu kiện bê tông đúc sẵn; kinh doanh xăng dầu; đầu tư kinh doanh khu du lịch; nuôi trồng, sản xuất các mặt hàng nông sản thực phẩm; khảo sát, đo đạc địa hình, thăm dò địa chất và thi công giếng khoan, khai thác nước ngầm.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC qui định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng theo VAS 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Nếu áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC, lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ giảm 2.551.907.382 đồng và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ có một số dư với số tiền tương ứng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất khi giá ghi sổ của chúng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Năm

Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 15
Máy móc và thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty quyết định thay đổi thời gian khấu hao của một số máy móc và thiết bị tại phân xưởng gạch từ 72 tháng lên 120 tháng. Ban Giám đốc tin tưởng rằng thời gian khấu hao này phản ánh chính xác hơn thời gian sử dụng tài sản của các tài sản này. Việc thay đổi thời gian khấu hao trong năm làm cho chi phí khấu hao trong năm 2009 giảm 1.352.967.602 đồng (năm 2008: Công ty giảm thời gian khấu hao làm chi phí khấu hao tăng thêm 1.982.877.472 đồng).

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình, bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện các chi phí phát sinh để có quyền sử dụng khu đất 41.632 m² tại Xã Tân Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương. Quyền sử dụng đất này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian trong 38 năm.

Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp đến bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 48 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản tiền đền bù, giải tỏa, chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất để khai thác các mỏ đất, đá được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng từ ba đến năm năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo tỷ lệ dịch vụ cung cấp hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo điều lệ, Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo tỷ lệ sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15%
Quỹ đầu tư phát triển	5%
Quỹ dự phòng tài chính	5%
Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	2%



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	275.442.797	388.673.023
Tiền gửi ngân hàng	23.001.336.878	117.366.165.915
Các khoản tương đương tiền	97.005.420.000	-
	<u>120.282.199.675</u>	<u>117.754.838.938</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam bằng đô la Mỹ và đồng Việt Nam với thời gian đáo hạn là 3 tháng hoặc ngắn hơn.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Nguyên liệu, vật liệu	3.829.843.725	5.268.485.145
Công cụ, dụng cụ	17.147.749	53.669.156
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	102.028.604	45.042.111
Thành phẩm	9.359.339.108	11.941.267.487
Hàng hóa	37.285.692	-
	<u>13.345.644.878</u>	<u>17.308.463.899</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(273.072.523)
	<u>13.345.644.878</u>	<u>17.035.391.376</u>

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc <u>VNĐ</u>	Máy móc và thiết bị <u>VNĐ</u>	Phương tiện vận tải <u>VNĐ</u>	Thiết bị văn phòng <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2009	26.857.418.560	39.260.867.238	25.334.082.500	2.064.872.635	93.517.240.933
Tăng trong năm	1.480.884.146	15.304.223.506	-	39.073.334	16.824.180.986
Chuyển từ đầu tư xây dựng cơ bản	5.453.274.042	4.899.188.743	6.922.516.669	-	17.274.979.454
Thanh lý, nhượng bán	(1.421.310.339)	(411.624.000)	(39.200.000)	(307.903.532)	(2.180.037.871)
Tại ngày 31/12/2009	<u>32.370.266.409</u>	<u>59.052.655.487</u>	<u>32.217.399.169</u>	<u>1.796.042.437</u>	<u>125.436.363.502</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2009	10.747.843.543	18.697.406.059	6.120.209.515	1.369.611.363	36.935.070.480
Khấu hao trong năm	3.034.093.818	5.777.704.952	3.958.904.695	273.734.050	13.044.437.515
Thanh lý, nhượng bán	(1.366.844.300)	(411.624.000)	(39.200.000)	(307.903.532)	(2.125.571.832)
Tại ngày 31/12/2009	<u>12.415.093.061</u>	<u>24.063.487.011</u>	<u>10.039.914.210</u>	<u>1.335.441.881</u>	<u>47.853.936.163</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2009	<u>19.955.173.348</u>	<u>34.989.168.476</u>	<u>22.177.484.959</u>	<u>460.600.556</u>	<u>77.582.427.339</u>
Tại ngày 31/12/2008	<u>16.109.575.017</u>	<u>20.563.461.179</u>	<u>19.213.872.985</u>	<u>695.261.272</u>	<u>56.582.170.453</u>

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao của tài sản cố định hữu hình như trình bày tại Thuyết minh số 4. Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng thời gian khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty.

Tài sản cố định bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 13.917.920.009 đồng (năm 2008: 11.531.237.662 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2009	1.607.721.600	204.794.600	1.812.516.200
Tăng trong năm	200.000.000	-	200.000.000
Tại 31/12/2009	1.807.721.600	204.794.600	2.012.516.200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2009	280.208.789	76.001.434	356.210.223
Trích khấu hao trong năm	69.054.922	66.839.523	135.894.445
Tại ngày 31/12/2009	349.263.711	142.840.957	492.104.668
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2009	1.458.457.889	61.953.643	1.520.411.532
Tại ngày 31/12/2008	1.327.512.811	128.793.166	1.456.305.977

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	39.699.110.980	3.035.790.545
Tăng	98.377.587.093	62.830.275.268
Kết chuyển sang tài sản cố định	(17.220.513.415)	(24.553.342.180)
Kết chuyển sang bất động sản đầu tư	(25.058.987.285)	(1.613.612.653)
Kết chuyển sang chi phí trả trước	(6.962.513.385)	-
Tại ngày 31 tháng 12	88.834.683.988	39.699.110.980

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Cơ sở hạ tầng VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2009	30.436.883.639	36.857.604.828	67.294.488.467
Chuyển từ đầu tư xây dựng cơ bản	-	25.058.987.285	25.058.987.285
Tại ngày 31/12/2009	30.436.883.639	61.916.592.113	92.353.475.752
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2009	1.718.449.952	1.989.856.653	3.708.306.605
Trích khấu hao trong kỳ	654.223.232	875.196.961	1.529.420.193
Tại ngày 31/12/2009	2.372.673.184	2.865.053.614	5.237.726.798
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2009	28.064.210.455	59.051.538.499	87.115.748.954
Tại ngày 31/12/2008	28.718.433.687	34.867.748.175	63.586.181.862

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Đất Cuốc tại Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương. Tại thời điểm kết thúc niên độ, Công ty chưa quyết toán được giá trị công trình xây dựng nên giá trị bất động sản đầu tư hiện đang tạm ghi nhận và trích khấu hao theo giá trị thực tế phát sinh đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2009. Do nguyên nhân nêu trên, Công ty hiện không thể xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 vì không có bất cứ tài sản cùng loại nào trên thị trường để có thể xác định giá trị hợp lý của những bất động sản này, tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư là tương đương với nhau.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2009	2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Số dư đầu năm	13.256.764.350	8.180.825.269
Tăng trong năm	11.016.807.517	15.803.344.900
Phân bổ vào chi phí trong năm	(6.067.904.985)	(10.727.405.819)
Số dư cuối năm	<u>18.205.666.882</u>	<u>13.256.764.350</u>

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Người mua trả tiền trước	1.009.751.662	1.620.494.738
Doanh thu chưa thực hiện	131.428.182.349	133.584.338.598
	<u>132.437.934.011</u>	<u>135.204.833.336</u>

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế tài nguyên	-	164.005.740
Các loại thuế khác	-	123.405.955
	<u>-</u>	<u>287.411.695</u>

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Vốn điều lệ tạm thu	-	74.000.000.000
Cổ tức phải trả	21.422.450.000	35.893.000
Phải trả, phải nộp khác	1.656.337.158	1.704.940.118
	<u>23.078.787.158</u>	<u>75.740.833.118</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Được phép phát hành:		
Số lượng cổ phần	10.700.000	7.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phiếu	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	<u>107.000.000.000</u>	<u>70.000.000.000</u>
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng cổ phần	10.700.000	7.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phiếu	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	<u>107.000.000.000</u>	<u>70.000.000.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông không được hưởng cổ tức cố định. Theo Nghị quyết ngày 22 tháng 4 năm 2008, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 70 tỷ đồng lên 107 tỷ đồng. Trong năm, Công ty đã phát hành và thu đủ phần vốn liên quan đến 3.700.000 cổ phần phát hành thêm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư tại 1/1/2008	70.000.000.000	-	-	28.977.714.446	2.638.061.802	5.080.683.443	330.910.458	24.459.031.726	131.486.401.875
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	72.268.599.589	72.268.599.589
Phân phối các quỹ	-	-	-	26.637.149.932	2.889.535.866	8.668.607.598	1.155.814.346	(39.351.107.742)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(22.050.000.000)	(22.050.000.000)
Chỉ tiêu theo quy định	-	-	-	-	-	(6.788.834.591)	(783.910.458)	-	(7.572.745.049)
Số dư tại 31/12/2008	70.000.000.000	-	-	55.614.864.378	5.527.597.668	6.960.456.450	702.814.346	35.326.523.573	174.132.256.415
Tăng vốn trong năm	37.000.000.000	37.000.000.000	-	-	-	-	-	-	74.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	92.458.012.385	92.458.012.385
Phân phối các quỹ	-	-	-	16.228.242.055	3.877.782.260	11.633.346.781	1.551.112.904	(33.290.484.000)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(32.100.000.000)	(32.100.000.000)
Kết chuyển nguồn	-	-	69.397.461.510	(69.397.461.510)	-	-	-	-	-
Chỉ tiêu theo quy định	-	-	-	-	-	(5.196.704.779)	(1.810.434.346)	-	(7.007.139.125)
Số dư tại 31/12/2009	107.000.000.000	37.000.000.000	69.397.461.510	2.445.644.923	9.405.379.928	13.397.098.452	443.492.904	62.394.051.958	301.483.129.675

Trong năm, Công ty đã chia cổ tức đợt 2 năm 2008 là 10.700.000.000 đồng từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2008 với tỷ lệ là 10% mệnh giá theo Đại hội cổ đông thường niên ngày 20 tháng 5 năm 2009. Công ty tạm trích một phần lợi nhuận năm 2009 là 21.400.000.000 đồng với tỷ lệ 20% mệnh giá theo Quyết định của Hội đồng Quản trị tại biên bản họp ngày 25 tháng 2 năm 2010, số liệu chi trả cổ tức cuối cùng sẽ được quyết định tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông trong tháng 4 năm 2010.

Trong năm, Công ty đã tạm trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát với tỷ lệ lần lượt là 15%, 5%, 5% và 2% trên lợi nhuận sau thuế với tổng giá trị là 20.940.024.205 đồng. Số liệu trích các quỹ sẽ được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chính thức tại đại hội thường niên.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

16. DOANH THU

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Doanh thu bán hàng	338.206.368.197	323.900.997.183
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.495.437.739	6.536.526.677
	344.701.805.936	330.437.523.860

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Giá vốn hàng bán	199.111.918.231	197.966.162.735
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	4.511.058.643	4.280.468.780
	203.622.976.874	202.246.631.515

18. LỢI NHUẬN KHÁC

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Tiền thu từ chuyển quyền sử dụng đất	-	196.160.000
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	-	7.272.727
Thu nhập khác theo kết quả của kiểm toán Nhà nước 2008	1.511.261.816	-
Các khoản thu nhập khác	903.682.156	923.069.687
Thu nhập khác	2.414.943.972	1.126.502.414
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	42.280.566
Các khoản khác	289.126.787	230.236.717
Chi phí khác	289.126.787	272.517.283
Lợi nhuận khác	2.125.817.185	853.985.131

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	105.954.220.353	84.247.415.529
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(4.063.169.198)	(2.785.459.929)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.495.619.896	3.456.489.686
Thu nhập chịu thuế	103.386.671.051	84.918.445.286
Trong đó		
Thu nhập chịu thuế đối với các hoạt động chính áp dụng thuế suất 12,5% (năm 2008: 14%)	98.803.678.362	84.918.445.286
Thu nhập chịu thuế đối với hoạt động khác áp dụng thuế suất 25%	4.582.992.689	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	25.846.667.763	23.777.164.680
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	(12.350.459.795)	(11.888.582.340)
Thuế thu nhập do chuyển quyền sử dụng đất	-	90.233.600
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.496.207.968	11.978.815.940



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Theo quy định hiện hành, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% trong ba năm tiếp theo. Ban Giám đốc Công ty đã đăng ký với cơ quan thuế về việc áp dụng các ưu đãi thuế từ năm 2006. Theo đó, Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2009.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

20. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Lợi nhuận sau thuế	92.458.012.385	72.268.599.589
Trừ: lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(2.551.907.382)	(2.589.299.929)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	89.906.105.003	69.679.299.660
Số cổ phiếu đang lưu hành bình quân	10.700.000	7.000.000
Lãi trên cổ phiếu	8.402	9.954

21. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã ký hợp đồng xây dựng, mua máy móc và trang thiết bị với chi tiết như sau:

Nhà cung cấp	Nội dung	Số tiền (đồng)
Công ty Cổ phần cơ khí Phú Lợi	Thiết kế lắp đặt băng tải chuyển đá tại cảng Tân Mỹ	689.800.000
Công ty TNHH Xây dựng Thanh Vinh	Xây dựng nhà văn phòng, khu bán hàng mỏ đá Tân Mỹ	702.400.000
Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Biên Hòa	Thi công bốc phủ lô số 15 mỏ đá Phước Vĩnh	873.322.000
Chi nhánh Công ty TNHH TBPT Hòa Phát tại Bình Dương	Xây lắp hệ thống nghiền sàng đá 150 tấn/h	6.200.000.000
		8.465.522.000

22. CAM KẾT CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Doanh thu cho thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	5.152.448.480	2.933.968.530

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động Khu Công nghiệp Đất Cước không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	2.245.833.411	3.072.823.338
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	8.983.333.645	12.291.016.487
Sau năm năm	87.589.040.229	122.794.433.621
	<u>98.818.207.285</u>	<u>138.158.273.446</u>

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Giám đốc trong năm như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lương	875,195,000	823.011.000
Tiền thưởng	56,000,000	128.400.000
Các khoản phúc lợi khác	609,926,960	220.467.000
	<u>1.541.121.960</u>	<u>1.171.878.000</u>

24. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Cho tới nay, Công ty lập dự phòng chi phí liên quan đến công tác phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản vì Ban Giám đốc Công ty tin rằng không có cơ sở cho việc trích lập này. Hiện tại, Công ty đã thực hiện ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương. Theo đó, chi phí phát sinh liên quan đến công tác phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản sẽ được ghi nhận vào kết quả kinh doanh khi thực tế phát sinh.

Số dư doanh thu nhận trước bao gồm 35.904.623.777 đồng của 6 (sáu) công ty có hoạt động kinh doanh thuộc ngành công nghiệp gây ô nhiễm. Ngày 16 tháng 6 năm 2009, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương đã gửi Thông báo số 205/TB-UBND tới Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bình Dương yêu cầu thu hồi giấy phép đầu tư của những công ty nói trên. Tuy nhiên, hiện tại vẫn chưa có quyết định cuối cùng. Trong năm 2009, Công ty không ghi nhận vào doanh thu tiền thuê đất của các công ty như đã đề cập ở trên với số tiền là 861.570.695 đồng. Trong trường hợp các công ty này bị thu hồi giấy phép đầu tư, Công ty sẽ phải thanh toán lại toàn bộ số tiền đã nhận được trước đây của các công ty thuê đất cùng với khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh tính theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 3.963.589.414 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***25. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của năm báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay như sau:

	Trình bày lại trên báo cáo năm 2009 VNĐ	Theo báo cáo năm 2008 VNĐ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(2.589.299.929)	-
Lãi thanh lý tài sản	-	42.280.566
Lãi từ hoạt động đầu tư	(3.250.610.236)	(3.292.980.802)
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	<u>2.589.299.929</u>	<u>-</u>

